

Số: 360 /TB - TTPTQĐ

Ninh Bình, ngày 12.. tháng 05 năm 2026

## THÔNG BÁO

**V/v niêm yết, công khai dự thảo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ của các hộ ảnh hưởng bởi dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường N5 kết nối từ Vành đai 5 đến QL21 và cầu qua sông Đáy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tại địa bàn phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Khoản 3 Điều 87 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (quy định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng); Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai; Các nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 49/2026/QĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Thông báo công khai dự thảo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tới các hộ có đất ảnh hưởng bởi dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường N5 kết nối từ Vành đai 5 đến QL21 và cầu qua sông Đáy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tại địa bàn phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình.

### 1. Các căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện dự án

Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh Hà Nam v/v phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường N5 kết nối từ đường Vành đai 5 đến QL21 và cầu qua sông Đáy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là thị xã Kim Bảng);

Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2025;

Các Quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình: số 162/QĐ-UBND ngày 19/1/2026 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cho cấp xã sau sắp xếp

+ Niêm yết dự thảo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB của các hộ tại trụ sở UBND phường Kim Bảng (Hội trường nhà văn hóa); nhà văn hóa tổ dân phố Phương Khê, Mã Nỗ, Thụy Xuyên (*có thiết lập biên bản*).

+ Gửi thông báo này kèm dự thảo phương án chi tiết tới từng hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, tài sản, công trình bị ảnh hưởng dự án.

Trung tâm PTQĐ tỉnh thông báo và đề nghị các hộ khi nhận được dự thảo phương án chi tiết chủ động kiểm tra, đối chiếu, nếu có thiếu sót hoặc chưa rõ mục nào đề nghị phản ánh bằng đơn (*nội dung ngắn gọn, ghi rõ các hạng mục thiếu sót, các hạng mục cần kiểm tra, làm rõ*) gửi về đồng chí chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị phường Kim Bảng để tổng hợp. Sau khi kết thúc thời gian công khai Trung tâm PTQĐ phối hợp với UBND phường Kim Bảng, các đơn vị có liên quan tổ chức họp trực tiếp với các hộ để giải đáp, làm rõ các thắc mắc (*nếu có*) và thực hiện quy trình các bước tiếp theo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; (để b/c)
- Đ/c Nguyễn Cao Sơn – PCT UBND tỉnh; (để b/c)
- Các sở: Công Thương, Tài Chính, NN&MT; (để b/c)
- LĐ TTPTQĐ; (để b/c)
- Chi nhánh TT PTQĐ 1
- UBND phường Kim Bảng;
- Chủ đầu tư;
- Hộ có đất, tài sản bị ảnh hưởng;
- Lưu: VT, CNQĐ1.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Khánh**

**DANH SÁCH DỰ THẢO CÔNG KHAI KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ ẢNH HƯỞNG BỞI DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG NS KẾT NỐI TỪ ĐƯỜNG  
VÀNH ĐAI 5 ĐẾN QL21 VÀ CẦU QUA SÔNG ĐÁY, HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM TẠI ĐỊA PHẬN PHƯỜNG KIM BẮNG, TỈNH NINH BÌNH**

(Kèm Thông báo số: **360** /TB-TTPTQĐ ngày: **15/2026** của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh)

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )	Số khẩu được hỗ trợ	Kinh phí bồi thường về đất	Kinh phí hỗ trợ chuyên đổi nghề nghiệp	Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây lúa	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tư nhân: 38 hộ</b>		<b>18.499</b>	<b>18.499</b>	<b>106</b>	<b>1.664.910.000</b>	<b>4.439.760.000</b>	<b>293.166.000</b>	<b>166.491.000</b>	<b>6.564.327.000</b>	
1	Hoàng Thế Chí - Hoàng Văn Chí (Vợ Hoàng Thị Lý)	Phương Khê	13	13	4	1.170.000	3.120.000	6.588.000	117.000	10.995.000	
2	Nguyễn Văn Lành (Hoàng Thị Tèo). Đại diện hàng thừa kế: Nguyễn Văn Thuận	Phương Khê	1.082	1.082	1	97.380.000	259.680.000	6.588.000	9.738.000	373.386.000	
3	Vũ Thị Rạch (UQ: Hoàng Văn Chuyên)	Phương Khê	1.650	1.650	2	148.500.000	396.000.000	26.352.000	14.850.000	585.702.000	
4	Nguyễn Văn Hào (Hoàng Thị Huyền)	Phương Khê	609	609	2	54.810.000	146.160.000	3.294.000	5.481.000	209.745.000	
5	Chu Thị Xạ. Đại diện hàng thừa kế: Hoàng Thị Bình	Phương Khê	251	251	1	22.590.000	60.240.000	3.294.000	2.259.000	88.383.000	
6	Hoàng Thị Bình (Hoàng Văn V6)	Phương Khê	95	95	4	8.550.000	22.800.000	6.588.000	855.000	38.793.000	
7	Vũ Văn Hạnh (Chu Thị Lệ)	Phương Khê	162	162	4	14.580.000	38.880.000	6.588.000	1.458.000	61.506.000	
8	Hoàng Văn Phiến (Hoàng Thị Náu). Đại diện hàng thừa kế: Hoàng Thị Năm	Phương Khê	1.374	1.374	1	123.660.000	329.760.000	6.588.000	12.366.000	472.374.000	
9	Hoàng Công Mậu	Phương Khê	1.581	1.581	6	142.290.000	379.440.000	19.764.000	14.229.000	555.723.000	
10	Nguyễn Thị Hạnh (Hoàng Văn Hải)	Phương Khê	210	210	6	18.900.000	50.400.000	9.882.000	1.890.000	81.072.000	
11	Hoàng Thị Huệ (Đình Văn Dương)	Phương Khê	53	53	3	4.770.000	12.720.000	4.941.000	477.000	22.908.000	
12	Nguyễn Việt Lâm (vợ Nguyễn Thị Tinh)	Phương Khê	77	77	4	6.930.000	18.480.000	6.588.000	693.000	32.691.000	
13	Hoàng Văn Ban (Hoàng Thị Xuân)	Phương Khê	123	123	6	11.070.000	29.520.000	19.764.000	1.107.000	61.461.000	

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m2)	Số khẩu được hỗ trợ	Kinh phí bồi thường về đất	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây lúa	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
14	Hoàng Văn Trị (Hoàng Thị Thảo)	Phương Khê	426	426	5	38.340.000	102.240.000	8.235.000	3.834.000	152.649.000	
15	Hoàng Văn Vượng	Phương Khê	152	152	4	13.680.000	36.480.000	6.588.000	1.368.000	58.116.000	
16	Hoàng Văn Tuấn	Phương Khê	225	225	5	20.250.000	54.000.000	8.235.000	2.025.000	84.510.000	
17	Hoàng Văn Chuẩn (Chu Thị Hòa)	Phương Khê	149	149	2	13.410.000	35.760.000	3.294.000	1.341.000	53.805.000	
18	Nguyễn Thị Nghiệp	Mã Nào	449	449	3	40.410.000	107.760.000	4.941.000	4.041.000	157.152.000	
19	Trương Văn Đua (Chu Thị Hạnh)	Mã Nào	1.220	1.220	5	109.800.000	292.800.000	16.470.000	10.980.000	430.050.000	
20	Đình Đức Thêm	Mã Nào	53	53	5	4.770.000	12.720.000	8.235.000	477.000	26.202.000	
21	Đào Thị Cảnh . Đại diện Trần Viết Tâm	Mã Nào	1.118	1.118	2	100.620.000	268.320.000	13.176.000	10.062.000	392.178.000	
22	Trương Thị Tinh (Lê Ngọc Châm)	Mã Nào	202	202	4	18.180.000	48.480.000	6.588.000	1.818.000	75.066.000	
23	Hoàng Thọ Mạc (Đỗ Thị Ngân)	Thụy Xuyên	1.219	1.219	4	109.710.000	292.560.000	13.176.000	10.971.000	426.417.000	
24	Đỗ Thị Sưu (UQ: Đinh Tùng Dương)	Thụy Xuyên	462	462	3	41.580.000	110.880.000	4.941.000	4.158.000	161.559.000	
25	Lê Thị Là	Thụy Xuyên	1.785	1.785	2	160.650.000	428.400.000	13.176.000	16.065.000	618.291.000	
26	Đỗ Thị Chanh (Nguyễn Văn Đán)	Thụy Xuyên	725	725	5	65.250.000	174.000.000	16.470.000	6.525.000	262.245.000	
27	Phạm Văn Đê (Phạm Thị Xem)	Thụy Xuyên	631	631	2	56.790.000	151.440.000	6.588.000	5.679.000	220.497.000	
28	Đình Công Thiện	Đắk Ang, Ngọc Hồi, Kon Tum	1.288	1.288	4	115.920.000	309.120.000	13.176.000	11.592.000	449.808.000	
29	Đình Văn Hương (Ủy quyền Đình Văn Huyền)	Thụy Xuyên	1.115	1.115	7	100.350.000	267.600.000	23.058.000	10.035.000	401.043.000	
30	Nguyễn Thị Thoa (UQ: Đỗ Thanh Bình)	Thụy Xuyên	657	657	5	59.130.000	157.680.000	8.235.000	5.913.000	230.958.000	
31	Trần Văn Liên (Đỗ Thị Viên)	Thụy Xuyên	1.129	1.129	5	101.610.000	270.960.000	16.470.000	10.161.000	399.201.000	
32	Nguyễn Thị Lý (Đại diện hàng thừa kế: Đình Văn Thụy)	Thụy Xuyên	571	571	2	51.390.000	137.040.000	6.588.000	5.139.000	200.157.000	

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m2)	Số khẩu được hỗ trợ	Kinh phí bồi thường về đất	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây lúa	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
33	Đỗ Văn Độ (Ủy Quyền Đỗ Văn Khen)	Thụy Xuyên	1.943	1.943	5	174.870.000	466.320.000	32.940.000	17.487.000	691.617.000	
34	Đỗ Thị Liên	Thụy Xuyên	597	597	2	53.730.000	143.280.000	6.588.000	5.373.000	208.971.000	
35	Phạm Văn Ứng (Đại diện hàng thừa kế: Phạm Văn Huấn)	Thụy Xuyên	256	256	3	23.040.000	61.440.000	4.941.000	2.304.000	91.725.000	
36	Phạm Đức Bái - Vợ Đinh Thị Xuyên (Ủy Quyền Phạm Đức Long)	Hải Ninh, Quảng Ninh	66	66	4	5.940.000	15.840.000	6.588.000	594.000	28.962.000	
37	Đình Hữu Kiên	Thụy Xuyên	1.589	1.589	6	143.010.000	381.360.000	14.301.000	14.301.000	552.972.000	
38	UBND phường	P. Kim Bảng	41.379	41.379	0	-	-	-	-	-	
<b>TỔNG</b>			<b>66.686</b>	<b>66.686</b>	<b>138</b>	<b>2.277.630.000</b>	<b>6.073.680.000</b>	<b>389.817.000</b>	<b>227.763.000</b>	<b>8.968.890.000</b>	